

Mẫu số 01: Báo cáo thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THỰC HIỆN
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2024**

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	SAU ĐẠI HỌC					
1	Tiến sĩ					
1.1	Lĩnh vực:	964	Thú y	02		
1.1.1.	Ngành: Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y	964 0104	Thú y	02	01	50

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN THỦ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

1. Danh sách ngành đào tạo

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(13)	(14)
1	Kỹ sinh trùng và Vi sinh vật học thú y	9640104	1313/QĐ-GĐH	01/7/1992	802/QĐ-BGDĐT	12/3/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1992	2024		

Ghi chú: Cột (11) và (12) chỉ báo cáo đối với các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo

2.1. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh								Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình) tham gia ĐTTX/ tuần
											Cao đẳng		Đại học		Thạc sĩ		Tiến sĩ				
											Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Đặng Vũ Hoàng	11/4/1973	001073032670	VN	Nam	1996			TS	Thú y							9640104	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y			
2	Nguyễn Thị Bích Thủy	04/9/1976	024176000399	VN	Nữ	2002			TS	Vi sinh vật học thú y							9640104	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y,			
3	Nguyễn Đức Tân	11/3/1962	034062015007	VN	Nam	1987			TS	Ký sinh trùng học thú y							9640104	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y			
4	Trương Văn Dung	12/12/1956	035056001875	VN	Nam	2021	5	PGS	TS	Vi sinh vật-truyền nhiễm và Miễn dịch học thú y							9640104	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y,			
5	Vũ Khắc Hùng	08/2/1968	038068038215	VN	Nam	1992		PGS	TS	Vi sinh vật học thú y							9640104	Ký sinh trùng và Vi sinh			

2.2. *Bố trí giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo*

a) Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

b) Trình độ thạc sĩ

c) Trình độ tiến sĩ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ	Tổng ngành tham gia	Tổng trọng số
					<i>Ngành Kỹ sinh trùng và Vi sinh vật học thú y</i>		
					<i>Mã ngành: 964 0104</i>		
1	Đặng Vũ Hoàng	11/4/1973	001073032670	Thú y	100	1	100
2	Nguyễn Thị Bích Thủy	04/9/1976	024176000399	Vi sinh vật học thú y	100	1	100
3	Nguyễn Đức Tân	11/3/1962	034062015007	Kỹ sinh trùng học thú y	100	1	100
4	Trương Văn Dung	12/12/1956	035056001875	Vi sinh vật- truyền nhiễm và Miễn dịch học thú y	100	1	100
5	Vũ Khắc Hùng	08/2/1968	038068038215	Vi sinh vật học thú y	100	1	100
6	Phạm Minh Hằng	11/01/1969	001169021920	Vi sinh vật và dịch tễ học phân tử	100	1	100
7	Nguyễn Thị Thu Hằng	14/5/1971	024171000348	Vi sinh vật học thú y	100	1	100
8	Nguyễn Thị Lan Anh	12/8/1972	001172016391	Bệnh ký sinh trùng truyền lây từ động vật sang người	100	1	100
9	Đặng Thị Thanh Sơn	04/2/1973	036173000107	Vi sinh vật học thú y	100	1	100
10	Bùi Nghĩa Vượng	03/10/1976	001076070521	Vệ sinh Thú y và an toàn thực phẩm	100	1	100

11	Lưu Quỳnh Hương	11/12/1976	027176001183	Vi khuẩn học phân tử và sự truyền lây	100	1	100
12	Vũ Thị Kim Huệ	30/08/1987	030187000021	Công nghệ thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm	100	1	100
13	Bùi Ngọc Anh	04/10/1980	001180035490	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y	100	1	100
14	Nguyễn Văn Thoại	21/4/1978	042078012714	Ký sinh trùng	100	1	100
15	Vũ Thị Nga	25/10/1973	022173001082	Ký sinh trùng	100	1	100
16	Ngô Chung Thùy	19/7/1979	001179032250	Sinh học y tế	100	1	100
17	Trần Thị Thanh Hà	02/6/1976	042176000690	Vi sinh vật học thú y	100	1	100
18	Trương Anh Đức	24/8/1984	027084003891	Công nghệ sinh học và Miễn dịch học thú y	100	1	100
19	Đào Thị Hà Thanh	19/7/1981	033181007787	Ký sinh trùng học thú y	100	1	100

3. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo (nếu có)

4. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

5. Danh sách người học trúng tuyển, nhập học, tốt nghiệp các trình độ đến 31/12/2024 (người học)

5.1. Danh sách người học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học

5.2. Danh sách người học trình độ thạc sĩ

5.3. Danh sách người học trình độ tiến sĩ:

TT	Mã nghiên cứu sinh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Quyết định trúng tuyển		Hình thức đào tạo	Tên ngành trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Năm trúng tuyển	Năm tốt nghiệp	Quyết định công nhận tốt nghiệp		Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc văn bằng	Trạng thái	Địa điểm đào tạo
								Số	Ngày						Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1		Nguyễn Thị Thu Hiền	04/10/1989	040189024118	Nữ	Kinh	Việt Nam	718/ QĐ-VTY-KHĐT	30/12/2024	Không tập trung (04 năm)	Kỹ sinh trung và Vi sinh vật học thú y	964 0104	2024						Đang theo học	Viện Thú y

Ghi chú: các cột từ cột 15 đến cột 21 sẽ được cập nhật hàng năm khi có dữ liệu

6. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng:

6.1. Cơ sở giáo dục được công nhận kiểm định chất lượng:

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận

6.2. Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng:

TT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
1					

7. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

7.1. Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định

7.2. Danh sách thành viên Hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong HĐ trường (chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên)	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác

8. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ:

STT	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025

Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Viện Thú y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024 (Người học)

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			
1	Tiến sĩ			4
<i>1.1</i>	<i>Tiến sĩ chính quy</i>			4
<i>1.1.1</i>	<i>Lĩnh vực Thú y</i>	964	<i>Thú y</i>	4
<i>1.1.1.1</i>	<i>Ngành Kỹ sinh trùng và Vi sinh vật học thú y</i>	9640104		4
<i>1.2</i>	<i>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</i>			
<i>1.2.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>			
<i>1.2.1.1</i>	<i>Ngành</i>			
2	Thạc sĩ			
<i>2.1</i>	<i>Thạc sĩ chính quy</i>			
<i>2.1.1</i>	<i>Lĩnh vực...</i>			
<i>2.1.1.1</i>	<i>Ngành...</i>			
<i>2.2</i>	<i>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</i>			
	<i>Lĩnh vực...</i>			
	<i>Ngành...</i>			
B	ĐẠI HỌC			
3	Đại học chính quy			

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2025 (Người)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
A	SAU ĐẠI HỌC				
1	Tiến sĩ				1
1.1	Tiến sĩ chính quy				1
1.1.1	Lĩnh vực Thú y	964	Thú y		1
1.1.1.1	Ngành Kỹ sinh trùng và Vi sinh vật học thú y	9640104		4 năm	1
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài				
1.2.1	Lĩnh vực...				
1.2.1.1	Ngành				
2	Thạc sĩ				
2.1	Thạc sĩ chính quy				
2.1.1	Lĩnh vực...				
2.1.1.1	Ngành...				
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài				
	Lĩnh vực...				
	Ngành...				
B	ĐẠI HỌC				
3	Đại học chính quy				
3.1	Chính quy				
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học				

3.2. Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học theo lĩnh vực (Người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP									
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên								
	Ngành...								
2	Lĩnh vực...								
	Ngành....								
	Tổng số								
II Giảng viên tham gia ĐTTX trình độ ĐH									
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên								
	Ngành....								
2	Lĩnh vực...								
	Ngành....								
								
	Tổng số								
III Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ									
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên								
	Ngành....								
2	Lĩnh vực...								
	Ngành..								
	Tổng số								
IV Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ									
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên								
	Ngành....								
2	Lĩnh vực..								
	Ngành....								
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0

4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cán bộ/nhân viên quản lý, hỗ trợ	Tổng thời gian quản lý, hỗ trợ	Tổng cán bộ/nhân viên quản lý, hỗ trợ quy đổi

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2024

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	17	940
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	300
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	0	0
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	01	100
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	15	540
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	01	100
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	09	1 600
	Tổng	27	2 640

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
A	SAU ĐẠI HỌC			
1	Tiến sĩ			2
1.1	Thú y			2
1.1.1	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học thú y	964 0104	Thú y	2

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Ký, đóng dấu
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN THÚ Y
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

TS. Nguyễn Thị Bích Thủy